

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73A /2022/DS-PT.

Ngày 01/7/2022.

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền, ông Đặng Văn Quyết

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/DSPT ngày 3/3/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-PT ngày 05/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐ-PT ngày 03/6/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V, trụ sở: Tầng 1 và tầng 2 tòa nhà SailingTower – 111 A Pasteur, phường B Ng quận , thành phố HCM. Đại diện theo pháp luật ông Hàn Ngọc Vũ, Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Hoàng Tuấn K, ông Hoàng Minh H, ông Lê Anh Ng – Cán bộ Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V theo Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022 (ông H có mặt, ông K và ông Ng vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng M, tòa nhà Hồng H, Ngõ Q, quận H Kiếm, thành phố Hà N.

- ***Bị đơn:*** Ông Hà Văn X, sinh năm 1973 (có mặt);

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (có mặt);

Đều cư trú: Thôn Cò, xã M Thái, huyện Lạng G, tỉnh B.

Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Quốc Tế Việt Nam, do ông Hoàng Tuấn K đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 16/01/2018, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam, ký với ông Hà Văn X, bà Nguyễn Thị L Hợp đồng tín dụng số 808HUBNE.001.HĐTD.VIB.18 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 740.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi triệu đồng); mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD Ranger Wildtrack; thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 17/01/2018 đến ngày 16/01/2026; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8.29%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là 12.09 %/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.99%/năm. Kỳ hạn trả nợ:

+ Trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 15 mỗi tháng trả 7.708.333 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ;

+ Trả nợ lãi: hàng tháng vào ngày 15, ngày trả nợ lãi đầu tiên là ngày 15/02/2018.

Ngày 16/01/2018, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam đã giải ngân cho Ông Hà Văn X và bà Nguyễn Thị L theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 808HUBNE.002.KUNN.VIB.18 ký ngày 16/01/2018 với số tiền 740.000.000đ theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Từ ngày 16/03/2020 cho đến nay, ông X và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 08/10/2021, ông Hà Văn X và bà Nguyễn Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền là 332.383.446đ (gốc: 192.708.325đ, lãi 139.657.121đ).

Tạm tính đến ngày 08/10/2021, Ông Hà Văn X và bà Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền là: : 676.610.046đ (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm mười nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 547.291.675đ, nợ lãi là: 98.770.229đ, lãi phát sinh là 30.548.142đ. Nay Ngân hàng TMCP Q Việt Nam yêu cầu ông Hà Văn X và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP Q Việt Nam tiền gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 08/10/2021 là 547.291.675đ tiền nợ gốc và 129.318.371đ tiền lãi; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 676.610.046đ và lãi suất tiếp theo, theo hợp đồng; không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản bảo đảm.

*** Bị đơn ông Hà Văn X, bà Nguyễn Thị L trình bày:** Ngày 16/01/2018 ông, bà có mua một chiếc xe ô tô FORD Ranger BKS 98C-162.55 và có vay thế chấp chiếc xe tại Ngân hàng TMCP Q Việt Nam để vay 740.000.000đ. Ông, bà đã trả đầy đủ cả gốc và lãi đến cuối năm 2019. Năm 2020 gia đình ông, bà bị chị Phạm Thị H ở xã MH, huyện LG lừa 19 tỷ đồng, còn chiếc xe ô tô FORD Ranger BKS

98C-162.55 bị anh T chồng chị Hà ở thôn Thuyền, xã Dĩnh trì, thành phố Bắc Giang mượn không trả. Ông, bà đòi thì anh T nói không mượn xe; nên ông, bà đã làm đơn đề nghị cơ quan điều tra công an tỉnh Bắc Giang, điều tra xử lý anh T về hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô, hiện Cơ quan điều tra công an tỉnh Bắc Giang vẫn đang giải quyết. Nay Ngân hàng TMCP Q Việt Nam kiện đòi tiền gốc và tiền lãi thì ông, bà đề nghị Ngân hàng cho trả dần với lãi suất thấp.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã quyết định:

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 227; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 8; 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V. Buộc vợ chồng ông Hà Văn X, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V số tiền gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 08/10/2021 là 547.291.675đ tiền nợ gốc và 98.770.229đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 646.061.904đ (Sáu trăm bốn sáu triệu không trăm sáu một nghìn chín trăm linh tư đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 09/10/2021, theo Hợp đồng tín dụng số 808HUBNE.001.HĐTD.VIB.18 ngày 16/01/2018, cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ của hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 08/10/2021 tổng là 30.548.142đ của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam đối với ông X, bà L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 06/01/2022, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V trình bày: Về số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Bản án sơ thẩm đã tuyên thì Ngân hàng không có ý kiến gì. Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân Hàng về việc buộc ông X, bà L phải trả tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 08/10/2021 là 30.548.142đ. Đây là tiền lãi của số tiền lãi phạt mà ông X, bà L chưa trả Ngân hàng. Thỏa thuận trả lãi chậm trả của lãi phạt đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Bảng kê chi tiết số tiền lãi phạt và căn cứ tính lãi của số tiền này thì Ngân hàng chưa cung cấp được.

Khoản vay của ông X, bà L được xác định quá hạn kể từ ngày 16/3/2020. Trước đó thì ông X, bà L đã thanh toán tiền gốc và tiền lãi trong hạn đúng thỏa thuận.

Ông Hà Văn X và bà Nguyễn Thị L trình bày: Kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V, Hội đồng xét xử thấy:

Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc T V yêu cầu ông X, bà L phải trả tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 08/10/2021 tổng là 30.548.142đ cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định đây là số tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi phạt (150% lãi suất trong hạn) mà ông X, bà L chưa trả Ngân hàng.

Tại điểm a, b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quy định:

“Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”.

Theo quy định này, nguyên đơn chỉ có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi chậm trả của số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ông X, bà L phải trả tiền lãi phát sinh tức tiền chậm trả trên số tiền lãi phạt (150% lãi suất trong hạn) là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, phí Ngân hàng không cung cấp được bảng kê tính lãi của số tiền lãi phạt, căn cứ xác định số lãi phát sinh là 30.548.142đ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kiện đòi tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 08/10/2021 là 30.548.142đ của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam đối với anh Xuân, chị Loan là có căn cứ và đúng pháp luật.

Từ đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam.

Về án phí dân sự phúc thẩm: theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q Việt Nam và ông X, bà L là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và trích yếu bản án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc Ngân hàng TMCP Q Việt Nam phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng

án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0012653 ngày 18/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Lạng Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang